TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A – TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HS-ST
Ngày: 30-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tứ Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thành và bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Hường - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2018/TLST-HS ngày 18 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Đặng K, tên gọi khác: Tèo; sinh ngày 20/10/1986 tại A, Gia Lai; nơi cư trú: Thôn A2, xã C, huyện D, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng E và bà Trương Thị B; vợ là Nguyễn X1 (đã ly hôn); bị cáo có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Ngày 09/01/2014 bị Công an phường P, thị xã A xử phạt hành chính 750.000đ về hành vi cố ý gây thương tích; Ngày 02/3/2016 bị Công an phường P, thị xã A xử phạt hành chính 300.000đ về hành vi gây rối trật tự công cộng; bị tạm giữ từ ngày 12/6/2018 đến ngày 18/6/2018 chuyển tạm giam cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn T; sinh ngày 07/7/1997 tại A, Gia Lai; nơi cư trú: Tổ 4, phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V và bà Phùng Thị Kim H1; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 11/6/2018 đến ngày 20/6/2018 chuyển tạm giam cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ 5, phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

2. Bùi Sơn Đ, sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ 11, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

3. Đặng Thị M, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn A2, xã C, huyện D, tỉnh Gia Lai; có mặt.

4. Nguyễn Văn V, sinh năm 1971; nơi cư trú: Tổ 4, phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

5. Trương Thị B, sinh năm 1968; nơi cư trú: Thôn A2, xã C, huyện D, tỉnh Gia Lai; có mặt.

** Người làm chứng*:

1. NLC1;

2. NLC2;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng K, Nguyễn Văn T, Bùi Sơn Đ là những đối tượng nghiện ma túy. Cả ba đối tượng này đều sử dụng ma túy loại Hêrôin với hình thức chích. Để có ma túy sử dụng, Đặng K đi vào khu vực Ngã tư X (Thành phố Hồ Chí Minh) mua của 01 đối tượng lạ mặt không xác định được danh tính. Mỗi lần mua với số tiền từ 1.000.000đ đến 1.500.000đ. Do nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân ngày càng nhiều mà không có tiền nên Đặng K đã nghĩ đến việc mua bán ma túy kiếm lời.

Vào đầu tháng 5/2018, K đón xe khách vào Thành phố Hồ Chí Minh mua 1.000.000đ ma túy loại Hêrôin. Khi quay về nhà, K đã phân số ma túy này ra thành 07 tép nhỏ rồi dấu trong lỗ gạch tại tường rào của Trường Trung học cơ sở G gần nhà K, thuộc thôn A2, xã C, huyện D, tỉnh Gia Lai. Số ma túy này, K sử dụng 01 tép, bán cho Nguyễn Văn T 02 tép và bán cho Đ 04 tép. Những lần mua bán này, cả K, T, Đ đều dùng điện thoại di động cá nhân của mình để liên lạc, hẹn chỗ giao dịch, K còn sử dụng xe mô tô biển số 81H7-9565 của mẹ đẻ là Trương Thị B và điện thoại di động của em gái là Đặng Thị M vào việc phạm tội. Việc mua bán ma túy cụ thể như sau:

- Đặng K đã bán ma túy cho Nguyễn Văn T tổng cộng ba lần, địa điểm thực hiện giao dịch đều tại cổng Trường Trung học cơ sở G thuộc Thôn A2, xã C, huyện D, tỉnh Gia Lai, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào khoảng tháng 5/2018, K bán cho T ½ tép ma túy loại Hêrôin với giá 300.000đ. Số ma túy này T đã sử dụng hết.

Lần thứ hai: Cách lần thứ nhất khoảng 01 tuần, K bán cho T 01 tép ma túy loại Hêrôin với giá 500.000đ. Số ma túy này T đã sử dụng hết.

Lần thứ ba: Cách lần thứ hai khoảng 10 ngày K bán cho T ½ tép ma túy loại Hêrôin với giá 300.000đ. Số ma túy này T đã sử dụng hết.

- Đặng K đã bán ma túy cho Đ tổng cộng bốn lần, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào đầu tháng 6/2018, tại cổng Trường Trung học cơ sở G thuộc Thôn A2, xã C, huyện D, tỉnh Gia Lai, K bán cho Đ 01 tép ma túy loại Hêrôin với giá 500.000đ. Số ma túy này Đ đã sử dụng hết.

Lần thứ hai và lần thứ ba: Cũng trong tháng 6/2018, tại cổng Khách sạn H thuộc Tổ 8, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai, K bán cho Đ 01 tép ma túy loại Hêrôin với giá 500.000đ. Khi K đang trên đường đi về thì Đ gọi điện thoại nói K quay lại để mua ma túy. Sau khi quay lại K đã bán cho Đ 01 tép ma túy loại Hêrôin với giá 500.000đ. Số ma túy mua trong hai lần này Đ đã sử dụng hết.

Lần thứ tư: Chiều ngày 09/6/2018, K và T cùng uống rượu tại 01 quán vỉa hè thuộc huyện D, tại đây, K và T thống nhất: Nếu hôm nào K không trực tiếp đi bán ma túy được thì K sẽ gọi điện thoại để T đi bán và K sẽ trả cho T mỗi tép là 100.000đ (Một trăm nghìn đồng).

Ngày 10/6/2018, K lấy điện thoại di động của em gái là Đặng Thị M gọi cho Đ hỏi xem Đ có mua ma túy nữa không. Đ hẹn K để qua hôm sau. Vì hôm sau K có ý định sẽ đi vào Thành phố Hồ Chí Minh, không thể giao ma túy cho Đ được, nên K lấy điện thoại của M gọi cho Nguyễn Văn T nói T đến gặp trước cổng Trường Trung học cơ sở G. Tại đây, K đưa cho T 01 tép ma túy loại Hêrôin và nói "Khi nào Đ điện thì mang bán cho Đ lấy 500.000đ". T nhận và dấu ma túy vào người rồi đi về.

Sáng ngày 11/6/2018, Đ gọi điện thoại cho K để mua ma túy. K nói "Để nói thằng em mang đến" và K điện thoại cho T nói T mang ma túy đi bán cho Đ, đồng thời nhắn tin số điện thoại của Đ cho T để liên lạc. Sau đó, T gọi điện cho Đ và cả hai hẹn gặp nhau tại ngã tư đường Q – I thuộc Tổ 06, phường A1, thị xã A. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển số 81G1-111.91, mang theo ma túy của K đến điểm hẹn để bán cho Đ. Khi T và Đ đang giao dịch mua bán thì bị Công an thị xã A bắt quả tang. Đồng thời thu giữ các vật chứng liên quan đến vụ án gồm: 01 chiếc xe mô tô biển số 81G1-111.91; 01 đoạn ống hút có chứa chất bột màu trắng; tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 500.000đ; 01chiếc điện thoại di động hiệu Masstel màu đen, có gắn sim số 01695550136; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Weybe (B310i) màu xanh đen, có gắn sim số 093478767202.

Ngày 12/6/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A bắt Đặng K và thu giữ các vật chứng liên quan gồm: Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 500.000đ; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu xanh xám có số imel 356033034655531, gắn sim số 0972699726.

Tại Kết luận giám định số 378/KLGĐ ngày 14/6/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai kết luận: Chất màu trắng dạng cục, bột trong 01 (một) đoạn ống nhựa kín, trong bì công văn niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Hêrôin, khối lượng 0,0731gam.

Quá trình điều tra xác định, xe mô tô biển số 81G1-111.91 là của ông Nguyễn Văn V. Việc T dùng chiếc xe này đi bán ma túy ông Đầu không biết nên

ngày 17/7/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã ra quyết định xử lý vật chứng: Trả lại chiếc xe mô tô biển số 81G1-111.91 cho ông Đầu.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 81H7-9565 là tài sản thuộc sở hữu của bà Trương Thị B là mẹ đẻ của Đặng K. Việc K sử dụng chiếc xe mô tô này làm phương tiện phạm tội bà B không biết nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã A không T hành thu giữ.

Chiếc điện thoại di động có gắn sim số 098145681 của Đặng Thị M là em gái của Đặng K. M đi làm để điện thoại ở nhà, K tự ý lấy điện thoại của M dùng vào việc phạm tội, M không biết, do đó Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã A không thu giữ.

Tại Bản cáo trạng số: 23/CTr-VKS ngày 17/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố bị cáo Đặng K về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đặng K , Nguyễn Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; đề nghị căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đặng K; đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn T; Đề nghị xử phạt bị cáo Đặng K từ 08 (Tám) năm đến 09 (chín) năm tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 36 (Ba mươi sáu) tháng đến 42 (Bốn mươi hai) tháng tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm:

- Chất bột màu trắng dạng cục, bột (Hêrôin), có khối lượng còn lại sau giám định là 0,0502 gam và vỏ bao gói, được niêm phong trong bì công văn của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai.

- 03 sim điện thoại di động gồm: sim số 01695550136, sim số 0972699726 và sim số 0934787672;

Đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước:

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu MaSStel màu đen có số imel 1: 352121080896523; 01 điện thoại di động hiệu Weybe (B310i) màu xanh đen có số imel 1: 864863031449958; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu xanh xám có số imel 356033034655531 và số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng).

- Đề nghị truy thu số tiền thu lợi bất chính 1.100.000đ (Một triệu, một trăm nghìn đồng) đối với bị cáo Đặng K để sung quỹ Nhà nước.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trương Thị B, ông Nguyễn Văn V và chị Đặng Thị M trình bày:

Bà Trương Thị B là mẹ đẻ của bị cáo Đặng K, bà là chủ sở hữu chiếc xe mô tô biển số 81H7-9565, bà cho rằng khi bị cáo K sử dụng xe mô tô vào việc phạm tội bà không biết. Ông Nguyễn Văn V là cha đẻ của bị cáo Nguyễn Văn T, ông là chủ sở hữu của chiếc xe mô tô biển số 81G1-11191, vào ngày 11/6/2018 vợ chồng ông đi làm không có ở nhà, bị cáo T sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội ông không biết. Chị Đặng Thị M cho rằng chị là em gái của bị cáo Đặng K, khi đi làm chị để điện thoại di động có gắn sim 098145681 ở nhà , Đặng K có sử dụng chiếc điện thoại này để liên lạc với ai thì chị không biết.

Lời khai của Bùi Sơn Đ có tại hồ sơ vụ án thể hiện: Trong tháng 6/2018 Bùi Sơn Đ 04 lần mua ma túy loại hêrôin của Đặng K và trong đó có một lần mua qua bị cáo T tại ngã tư đường Q - I thì bị bắt quả tang.

Lời khai của Nguyễn Ngọc L có tại hồ sơ vụ án thể hiện: Trong tháng 5/2018 L đã mua ma túy loại Hêrôin của Đặng K 04 lần với số lượng 4 tép.

Tại phiên tòa bị cáo Đặng K chỉ thừa nhận bán ma túy cho Bùi Sơn Đ 03 lần, bán ma túy cho Nguyễn Văn T 3 lần còn không thừa nhận đã bán ma túy cho Nguyễn Ngọc L.

Còn Nguyễn Văn T thừa nhận đã ba lần mua ma túy loại Hêrôin của Đặng Văn K để sử dụng và 01 lần giúp Đặng K bán ma túy loại Hêrôin cho Bùi Sơn Đ thì bị bắt quả tang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án này đều hợp pháp.

[2] Lời khai của của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án do đó đã có đủ cơ sở xác định:

Các bị cáo Đặng K, Nguyễn Văn T là những đối tượng nghiện ma túy. Cả hai đối tượng đều sử dụng loại ma túy là Hêrôin với hình thức chích. Để có ma túy sử dụng, bị cáo Đặng K đi vào Ngã tư X (Thành phố Hồ Chí Minh) mua của 01 đối tượng lạ mặt (không xác định được danh tính). Mỗi lần mua với số tiền từ 1.000.000đ đến 1.500.000đ để sử dụng và bán kiếm lời. Vào ngày 11/6/2018, các bị cáo Đặng K và Nguyễn Văn T có hành vi mua bán trái phép chất Ma túy có khối lượng 0,0731g, loại Hêrôin tại ngã tư đường Q - I thuộc Tổ 6, phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai cho Bùi Sơn Đ thì bị Công an thị xã A bắt quả tang. Ngoài ra, trong tháng 5/2018 bị cáo Đặng K còn 03 lần bán ma túy

loại Hêrôin cho bị cáo T và trong tháng 6/2018, bị cáo K đã 03 lần bán bán ma túy loại Hêrôin cho Bùi Sơn Đ thu lợi bất chính tổng số tiền 1.600.000đ dùng để tiêu xài cá nhân. Vì vậy, đủ cơ sở tuyên bố bị cáo Đặng K phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự 2015 và bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự 2015.

Mặc dù trong quá trình điều tra Nguyễn Ngọc L khai trong tháng 5/2018 có mua ma túy loại hêrôin của Đặng K 04 lần nhưng K không thừa nhận. Bùi Sơn Đ khai đã mua ma túy của K 4 lần nhưng K chỉ thừa nhận 3 lần. Do không có chứng cứ khác để chứng minh nên không có cơ sở xác định Đặng K đã bán ma túy cho Nguyễn Ngọc L. Đồng thời chỉ xác định Đặng K đã bán ma túy cho Bùi Sơn Đ 3 lần như lời khai của bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo.

[5] Đánh giá về vai trò, mức độ tham gia và việc quyết định hình phạt đối với các bị cáo: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ giữa các bị cáo nên không phải là trường hợp phạm tội có tổ chức. Trong đó, bị cáo Đặng K đóng vai trò chính, bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, vào tháng 5/2018 bị cáo đã vào Thành phố Hồ Chí Minh mua ma túy về để sử dụng và bán 6 lần cho bị cáo T và Bùi Sơn Đ. Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 09/01/2014, cùng đồng bọn đánh nhau, bị Công an phường P, thị xã A xử phạt hành chính 750.000đ; ngày 02/3/2016, có hành vi gây rối trật tự công cộng, bị Công an phường P, thị xã A xử phạt hành chính số tiền 300.000đ. Vì vậy, bị cáo phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo Nguyễn Văn T. Đối với bị cáo Nguyễn Văn T là người giúp bị cáo Đặng K bán ma túy cho Bùi Sơn Đ, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi của bị cáo.

Trên cơ sở đánh giá vai trò, mức độ tham gia thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo, các đặc điểm về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị các bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục và răn đe.

[6] Đối với Bùi Sơn Đ có hình vi mua ma túy của bị cáo Đặng K về để sử dụng. Tuy nhiên, ma túy Đ mua có khối lượng 0,0731g, loại Hêrôin là không đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại Điều 249 của Bộ luật Hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A không xử lý hình sự đối với Bùi Sơn Đ là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Ngọc L có hành vi nhiều lần sử dụng trái phép chất ma túy với bị cáo K. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã chuyển hồ sơ

cho Ủy ban nhân dân phường nơi L cư trú để xử lý hành chính là đúng pháp luật.

[7] Về vật chứng:

Đối với: Chất bột màu trắng dạng cục, bột (Hêrôin), có khối lượng còn lại sau giám định là 0,0502gam và vỏ bao gói, được niêm phong trong bì công văn của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, có đặc điểm: Tại mép dán mặt sau có các dấu tròn của Phòng KTHS, nội dung "CÔNG AN TỈNH GIA LAI * PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ" và các chữ ký của Nguyễn Sơn, Bùi Sỹ Thà, Nguyễn Xuân Trường; 03 sim điện thoại di động gồm: sim số 0972699726, sim số 01695550136 và sim số 0934787672 là công cụ phạm tội không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với: 01 Điện thoại di động hiệu MaSStel màu đen có số imel 1: 352121080896523; 01 điện thoại di động hiệu Weybe (B310i) màu xanh đen có số imel 1: 864863031449958; 01 điện thại di động hiệu NOKIA màu xanh xám có số imel 356033034655531 và số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) là công cụ, phương tiện phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo Đặng K thu lợi bất chính 1.600.000đ, đã bị tịch thu 500.000đ, còn lại 1.100.000đ cần truy thu sung quỹ Nhà nước.

[8] Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong một gian đoạn ngắn, số tiền thu lời bất chính không lớn và đã bị truy thu nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 299; khoản 1, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 của Bộ luật hình sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đặng K.

Căn cứ khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Tuyên bố các bị cáo Đặng K và Nguyễn Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy";

Xử phạt bị cáo Đặng K 08 (Tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 12/6/2018).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 11/6/2018).

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy:

+ Chất bột màu trắng dạng cục, bột (Hêrôin), có khối lượng còn lại sau giám định là 0,0502gam và vỏ bao gói, được niêm phong trong bì công văn của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, có đặc điểm: Tại mép dán mặt sau có các dấu tròn của Phòng KTHS, nội dung "CÔNG AN TỈNH GIA LAI * PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ" và các chữ ký của Nguyễn Sơn, Bùi Sỹ Thà, Nguyễn Xuân Trường;

+ 03 sim điện thoại di động gồm: sim số 0972699726, sim số 01695550136 và sim số 0934787672.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ 03 chiếc điện thoại di động gồm: 01 Điện thoại di động hiệu MaSStel màu đen có số imel 1: 352121080896523; 01 điện thoại di động hiệu Weybe (B310i) màu xanh đen có số imel 1: 864863031449958; 01 điện thại di động hiệu NOKIA màu xanh xám có số seri 356033034655531

+ Số tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 1.000.000đ (*Một triệu đồng*).

Truy thu số tiền thu lợi bất chính 1.100.000đ (*Một triệu, một trăm nghìn đồng*) đối với bị cáo Đặng K để sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Buộc các bị cáo Đặng K và Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (30/10/2018), bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Tứ Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thành **Nguyễn Thị Ngọc Lan** **Bùi Tứ Hải**